

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2020/HNGĐ - ST**
Ngày: 02/6/2020
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Hợi

Bà Đoàn Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 06 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **21/2020/TLST- HNGĐ** ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **02/2020/QĐXXST- HNGĐ**, ngày 15 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **02/2020/QĐST- HNGĐ** ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Việt Đ - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 183, đường Tr C, tổ dân phố 21 (nay là tổ dân phố 6), phường T Th, thành phố ĐBP, tỉnh Đ (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H - Sinh năm 1991.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 183, đường Tr C, tổ dân phố 21 (nay là tổ dân phố 6), phường T Th, thành phố ĐBP, tỉnh Đ (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Việt Đ trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H kết hôn ngày 17/02/2014, tại UBND xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại

số nhà 18, tổ dân phố 9, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau dẫn đến không còn tôn trọng nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 3 năm 2015 cô H đã bế con bỏ đi khỏi nhà tôi không rõ cô H đi đâu đến tháng 11/2015 bà H đã quay về, vợ chồng tôi sống tại Tổ dân phố 21, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (không đăng ký tạm trú tại phường Tân Thanh) đến ngày 21/11/2015 cô H lại bỏ đi và không xuất hiện tôi có đi tìm và gọi điện không liên lạc được. Từ thời điểm bà H bỏ đi cho đến nay đã được hơn 4 năm tôi cũng đã đi tìm và Thông báo tìm kiếm người bỏ đi khỏi nơi cư trú (theo Thông báo số 07/20016/QĐST-VDS ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ) trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, Báo công lý, Cổng thông tin Tòa án nhân dân Tối cao, cổng thông tin Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. Hết thời gian thông báo bà H vẫn không trở về, không liên lạc với Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Từ đó đến nay bà H không có tin tức gì với tôi. Nay ông Đ xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn mang lại đau khổ cho nhau. Ông Đ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

2. Về con chung: Ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H có 01 con chung là cháu Phạm Gia Kh, sinh ngày 29/7/2014. Thời điểm tôi làm đơn khởi kiện cháu Kh ở với bố mẹ cô H đến tết 2019 tôi đã xin phép đón cháu lên ở với tôi, hiện nay cháu Kh đang ở với ông Đ. Ông Đ xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; nợ phải trả: Không có.

Đối với bị đơn bà Trần Thị H: Tại quyết định số 05/2019/QĐDS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố Điện Biên Phủ tuyên bố bà Trần Thị H mất tích. Ngày 24/12/2019, sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của ông Phạm Việt Đ. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 21/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa đã đưa ra xét xử.

Ông Phạm Việt Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu tòa giải quyết về quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai ông Đ đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, Điểm a Khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, cho ly hôn giữa ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H.

* Về con chung: Chấp nhận việc rút yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông Đ.

Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 23/12/2019 ông Phạm Việt Đ nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Trần Thị H có địa chỉ tại Tổ dân phố 21 (nay là tổ dân phố 6), phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 24/12/2019 ông Đ đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H cùng trú tại số nhà 183, tổ dân phố 21 (nay là tổ dân phố 6), phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc bà H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do bà H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H kết hôn ngày 17/02/2014 tại UBND xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, hôn nhân giữa ông Đ và bà H đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo ông Đ vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau dẫn đến không còn tôn trọng nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 3 năm 2015 bà H đã bế con bỏ đi khỏi nhà ông Đ không rõ bà H đi đâu đến tháng 11/2015 bà H đã quay về, vợ chồng ông Đ sống tại Tổ dân phố 21 (nay là tổ dân phố 6), phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (không đăng ký tạm trú tại phường Tân Thanh) đến ngày 21/11/2015 vợ chồng mâu thuẫn bà H lại bỏ đi và không xuất hiện ông Đ có đi tìm và gọi điện không liên lạc được. Nay ông Đ xét thấy tình cảm không còn và xin được ly hôn với bà H. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật đối với các Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà H không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án, không đến tòa, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được, vắng mặt tại phiên Tòa xét xử. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại quyết định số 05/2019/QĐDS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố Điện Biên Phủ tuyên bố bà Trần Thị H mất tích. Tại phiên tòa ông Đ vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt Đ.

[2.2] Xét về con chung: Ông Phạm Việt Đ và bà Trần Thị H có 01 con chung là cháu Phạm Gia Kh, sinh ngày 29/7/2014. Thời điểm ông Đ làm đơn khởi kiện cháu Kh ở với bố mẹ bà H đến tết 2019 ông Đ đã xin phép đón cháu lên ở với ông Đ, hiện nay cháu Kh đang ở với ông Đ. Ông Đ xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung. HĐXX chấp nhận yêu cầu rút yêu cầu này của ông Đ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[3] Xét về tài sản: Về tài sản chung; nợ phải trả: Không có;

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Việt Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Việt Đ được ly hôn với bà Trần Thị H;
2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về tài sản chung; nợ phải trả: Không có.
4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Việt Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/ 08174 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ông Phạm Việt Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/6/2020; bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phúc, H. Vĩnh Lộc, T. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

